

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2023/HS-ST**

Ngày: **11 – 04 – 2023**.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Luyện và ông Phan Duy Bản.

Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Cường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày **11** tháng **4** năm **2023**, tại Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **07/2023/TLST-HS** ngày **10** tháng **3** năm **2023** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **08/2023/QĐXXST-HS**, ngày **27** tháng **03** năm **2022**, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Đức T**, sinh năm **1976** tại tỉnh **Bình Thuận**; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: **Khu phố L1, thị trấn L2, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận**; nghề nghiệp: **Làm nông**; trình độ văn hóa (học vấn): **06/12**; dân tộc: **Kinh**; giới tính: **Nam**; tôn giáo: **Thiên chúa giáo**; quốc tịch: **Việt Nam**; con ông **Trương T1**, sinh năm **1946** và bà **Trần Thị N**, sinh năm **1949**; có vợ tên **Nguyễn Thị C**, sinh năm **1980**, đã ly hôn và có **02** người con, con lớn nhất sinh năm **1999**, con nhỏ nhất sinh năm **2006**; tiền án, tiền sự: **Không có**.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “**Cấm đi khỏi nơi cư trú**” từ ngày **20** tháng **9** năm **2022** đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại: Chị Võ Thị Hạnh T2**, sinh năm: **1981**; nơi cư trú: **thôn 1, xã Đ1, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận**. Có mặt.

- **Người làm chứng:**

Chị Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm **1989**; nơi cư trú: **thôn 6, xã H, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận**. Có mặt.

Anh Nguyễn Đ, sinh năm **1994**; nơi cư trú: **thôn 6, xã H, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận**. Vắng mặt không có lý do.

Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm **1986**; nơi cư trú: **thôn 4, xã Đ1, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của bị cáo, tội danh, điểm, khoản, điều luật và mức hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, đề nghị:

Bị cáo Trương Đức T và bị hại Chị Võ Thị Hạnh T2 có quan hệ tình cảm và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 28/4/2022, chị T2, Chị Nguyễn Thị Kim C1 và Anh Nguyễn Đ đang ngồi uống cà phê trên gác lửng của quán cà phê “T3” thuộc thôn 4, xã Đ1, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận thì bị cáo Trương Đức T đi đến lấy 01 điện thoại hiệu Apple Iphone Xs max màu gold của chị T2 đang để trên bàn rồi yêu cầu chị T2 đi xuống dưới nói chuyện. Khi cả hai xuống tầng trệt, bị cáo đi thẳng ra xe mô tô của bị cáo, mở cốp xe bỏ điện thoại của chị T2 vào cốp, rồi nói với chị T2 *“Lên xe anh chở về”* nhưng chị T2 không đồng ý nên bị cáo đi vào lại ngồi với chị T2 ở bàn trước quán nói chuyện. Trong lúc nói chuyện, bị cáo dùng tay đập mạnh bàn lớn tiếng nói: *“Giờ có về nhà nói chuyện không?”*. Chị T2 đứng dậy định bỏ đi thì bị cáo liền dùng tay ôm cổ kéo lại. Chị T2 hất tay bị cáo vung ra. Bị cáo liền tiếp tục đưa tay kéo chị T2 lại thì chụp trúng 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng mà chị T2 đang đeo trên cổ, làm bung móc khóa, đứt sợi dây chuyền. Bị cáo cầm sợi được dây chuyền bỏ vào túi áo, còn mặt dây chuyền rơi xuống đất. Bị cáo tiếp tục yêu cầu chị T2 đi về nhưng chị T2 không đồng ý nên bị cáo bức tức, đi ra xe mô tô, cầm cái nón bảo hiểm của bị cáo đập mạnh xuống nền sân để đe dọa chị T2. Sau đó, bị cáo tiếp tục đi tới chỗ T2 ngồi yêu cầu chị T2 đi về nhưng chị T2 không đi về nên bị cáo nói: *“Trong cốp xe tao có dao nè, tao đâm hết cái lũ tụi mày”*, rồi bị cáo đi ra xe mô tô của bị cáo, mở cốp xe, dùng tay lục lọi đồ đạc trong cốp xe nhưng chị T2 vẫn không đồng ý đi về cùng bị cáo nên bị cáo điều khiển xe mô tô đi về nhà. Sau đó, bị cáo mở điện thoại của chị T2 nhưng nhiều lần nhập mật khẩu không đúng nên điện thoại bị vô hiệu hóa kết nối iTunes. Đối với sợi dây chuyền của chị T2, bị cáo đem đi cầm cố tại tiệm vàng Kim Uyên Thảo ở khu phố 2, thị trấn V, huyện Đức Linh với giá 5.000.000đồng lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Tại bản Kết luận giám định số 3487/KL-KTHS ngày 01/7/2022, Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Tp.Hồ Chí Minh, kết luận: *“01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au), Đồng (Cu), Kẽm (Zn), Niken (Ni). Hàm lượng Vàng (Au): 77,77%, Đồng (Cu): 15,70%, Kẽm (Zn): 3,09%, Niken (Ni): 3,43%, khối lượng: 13,3872 gam”*. Tại bản Kết luận giám định số: 3486/KL-KTHS ngày 05/7/2022, Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Tp.Hồ Chí Minh, kết luận: *“Xác định điện thoại hiệu Apple Iphone gửi giám định ký hiệu A nêu tại mục II.1 có tên đầy đủ là: Apple Iphone Xs Max, Model: A2101. Không xác định được dung lượng bộ nhớ trong của điện thoại”*. Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 27/7/2022, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Tánh Linh, kết luận: *Cái điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone XS max màu gold (màu vàng) mà bị cáo chiếm đoạt của chị T2 có giá*

1.800.000đồng; sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng bị cáo chiếm đoạt của chị T2 có giá 13.000.000đồng.

Tại Cáo trạng số: 51/CT-VKSND-TL ngày 24/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận đã truy tố bị cáo **Trương Đức T** về tội “**Cưỡng đoạt tài sản**” theo khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh khẳng định Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo **Trương Đức T** là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Trương Đức T** phạm tội “**Cưỡng đoạt tài sản**”; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 170, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt **bị cáo Trương Đức T** với mức án **từ 12 tháng đến 15 tháng tù** nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ **24 tháng đến 30 tháng**.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Trương Đức T đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tánh Linh 01 cái điện thoại hiệu Apple Iphone XS max màu gold và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại Chị Võ Thị Hạnh T2; Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại các tài sản này cho chủ sở hữu là chị T2. Tại phiên tòa, chị T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì đối với sợi dây chuyền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Riêng cái điện thoại mà bị cáo chiếm đoạt thì sau khi Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho chị T2, chị T2 và bị cáo tự thỏa thuận thống nhất bị cáo có nghĩa vụ sửa lại cái điện thoại này như hiện trạng ban đầu hoặc nếu không sửa chữa được thì phải trả cho chị T2 01 cái điện thoại khác cùng loại, hiệu, cấu hình như cái điện thoại này; chị T2 đã giao lại cái điện thoại này cho bị cáo, bị cáo đã liên hệ sửa chữa nhưng không sửa được; sau đó bị cáo giữ cái điện thoại này và đến nay đã làm thất lạc, không thể trả lại cho chị T2. Tại phiên tòa, bị cáo và chị T2 tự nguyện thỏa thuận thống nhất bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho chị T2 giá trị cái điện thoại này là 6.000.000đ. Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận của bị cáo và bị hại, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho chị T2 6.000.000đ.

Về vật chứng: Vật chứng trong vụ án gồm có: 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone XS max màu gold, đã qua sử dụng và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng (gồm nhiều vòng tròn đẹp kiểu dáng số “0” mắc xích lại với nhau tạo thành một sợi dây chuyền). Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tánh Linh đã trả lại cho chủ sở hữu Chị Võ Thị Hạnh T2. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị Hội đồng xét xử không tiếp tục xét xử, xử lý.

Về ý kiến của bị cáo, bị hại: Bị cáo và bị hại thống nhất với tội danh, điểm, khoản, điều luật, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai thắc mắc, khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên. Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó hoạt động tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người làm chứng Anh Nguyễn Đ vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, anh Đ cũng đã khai báo đầy đủ, rõ ràng có trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt anh Đ không làm ảnh hưởng đến tính chính xác, khách quan của vụ án. Bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đều đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng là phù hợp.

[3] Về thẩm quyền giải quyết:

Bị cáo bị truy tố về tội **“Cưỡng đoạt tài sản”** theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có mức hình phạt cao nhất đến **05 năm tù**, là thuộc tội phạm nghiêm trọng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tội phạm được thực hiện tại địa bàn **huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 268 và khoản 1 Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Về định tội danh; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hướng xử lý:

[4.1] Về định tội danh:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; lời khai bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án; do đó có đủ căn cứ xác định bị cáo đã thực hiện hành vi như sau: Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 28/4/2022, tại quán cà phê “Tình” thuộc thôn 4, xã Đ1, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; khi thấy bị hại Chị Võ Thị Hạnh T2, Chị Nguyễn Thị Kim C1 và Anh Nguyễn Đ đang ngồi uống cà phê với nhau, bị cáo ghen tuông bức tức nên liền đi đến bàn chị T2 đang ngồi, thấy có 01 cái điện thoại hiệu Apple Iphone XS max màu gold của chị T2 đang để trên bàn, bị cáo nảy sinh ý định lấy điện thoại này để kiểm tra tin nhắn và buộc chị T2 phải đi về cùng bị cáo nên đã dùng tay lấy cái điện thoại này của chị T2, cầm điện thoại trên tay và bảo chị T2 đi cùng bị cáo xuống dưới nói chuyện. Khi cả hai đi xuống tầng trệt, bị cáo đi thẳng ra phía trước quán, đến xe mô tô của bị cáo, mở cốp xe bỏ điện thoại vào trong cốp xe, rồi bảo chị T2 lên xe bị cáo chở về nhưng chị T2 không đồng ý nên bị cáo đi vào lại đến chỗ chị T2 ngồi nói chuyện. Trong lúc nói chuyện, bị cáo nhiều lần bảo chị T2 đi về nhưng chị T2 không đồng ý. Sau đó chị T2 đứng dậy định đi vào trong quán thì bị cáo liền dùng tay phải choàng qua vai của chị T2, dùng tay trái nắm tay của chị T2 kéo chị T2 lại; chị T2 hất

tay bị cáo vung ra. Bị cáo muốn tiếp tục kéo chị T2 về nên liền dùng tay phải chụp cổ áo trước của chị T2, vô tình nắm được cổ áo và sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng mà chị T2 đang đeo trên cổ, bị cáo kéo mạnh 01 cái về phía bị cáo làm cho sợi dây chuyền bị bung khóa đứt ra. Bị cáo cầm được sợi dây chuyền, nảy sinh ý định lấy sợi dây chuyền để buộc chị T2 phải đi về cùng bị cáo nên bỏ sợi dây chuyền này vào túi áo khoác của bị cáo; còn mặt dây chuyền bị rớt xuống đất và chị Cúc nhặt được. Bị cáo tiếp tục ngồi nói chuyện, yêu cầu chị T2 về nhưng chị T2 không đồng ý nên bị cáo bực tức, dùng tay đập mạnh 01 cái xuống bàn và lớn tiếng hỏi chị T2 có đi về không? Nhưng chị T2 vẫn không đồng ý. Bị cáo tiếp tục nhiều lần yêu cầu chị T2 về nhưng chị T2 không đồng ý nên bị cáo đi ra xe mô tô của bị cáo, lấy nón bảo hiểm đập mạnh 01 cái xuống nền sân và bảo chị T2 đi về nhưng chị T2 vẫn không đồng ý nên bị cáo tiếp tục đi vào nói chuyện với chị T2. Bị cáo tiếp tục nhiều lần bảo chị T2 về nhưng chị T2 không đồng ý nên bị cáo đe dọa, nói: “*Tao có dao trong cốp xe, tao đâm chết hết tụi mày*”, đồng thời bị cáo đi ra mở cốp xe mô tô của bị cáo, lục đồ đạc trong cốp xe để hù dọa nhưng chị T2 vẫn không đồng ý về nên bị cáo điều khiển xe mô tô đi về nhà.

Bị cáo Trương Đức T và bị hại Chị Võ Thị Hạnh T2 đều thừa nhận trong suốt quá trình sự việc diễn ra, bị cáo hoàn toàn không có dùng vũ lực, cũng không có lời nói, hành vi gì đe dọa dùng vũ lực nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của chị T2; bị cáo **chị** có lời nói lớn tiếng, có hành vi đe dọa chị T2 nhằm mục đích buộc chị T2 đi về nhà cùng bị cáo và hành vi, lời nói đe dọa này cũng xảy ra sau khi bị cáo đã lấy được tài sản của chị T2. Do đó hành vi bị cáo chiếm đoạt cái điện thoại hiệu Apple Iphone XS max màu gold và sợi dây chuyền màu trắng của chị T2 không đủ căn cứ cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Trương Đức T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không đủ căn cứ nên không được chấp nhận.

Tuy nhiên, bị cáo **Trương Đức T** là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; chỉ vì bực tức do ghen tuông vô cớ, với mục đích muốn chiếm đoạt tài sản của chị T2 nhằm để kiểm tra tin nhắn trong điện thoại và sử dụng tài sản chiếm đoạt được buộc chị T2 phải đi theo bị cáo về nhà; bị cáo lợi dụng mối quan hệ tình cảm giữa bị cáo với chị T2 và sự tương quan sức lực nam nữ, hiểu được tính cách của chị T2 và nhận thức được chị T2 sẽ không có khả năng thực hiện hành vi ngăn cản vì sợ ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm; bị cáo đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, chiếm đoạt 01 cái điện thoại hiệu Apple Iphone Xs max màu gold và 01 sợi dây chuyền màu trắng của chị T2 có tổng giá trị là 14.800.000đồng (Căn cứ theo Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐGTS ngày 27/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Tánh Linh), bị cáo chiếm đoạt các tài sản này một cách công khai và giữ các tài sản này trong suốt khoảng thời gian sự việc diễn ra trước sự hiện diện, chứng kiến của chị T2 mà không cần có ý định, thủ đoạn nào khác để đối phó với chủ tài sản hoặc người khác và cũng không cần lẩn tránh tẩu thoát. Do đó, hành vi của bị cáo **Trương Đức T** đã đủ yếu tố cấu thành tội “**Công nhiên chiếm đoạt tài sản**” quy định tại khoản 1

Điều 172 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, căn cứ Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần xét xử bị cáo **Trương Đức T** về tội “**Công nhiên chiếm đoạt tài sản**” quy định tại khoản 1 Điều 172 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phù hợp.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; tự nguyện sửa chữa, thu hồi trả lại tất cả tài sản đã chiếm đoạt; do đó, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4.3] Về quyết định hình phạt:

Hành vi bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác; do đó cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm minh theo quy định của pháp luật để răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng, ổn định; chỉ vì nhận thức hạn chế, chỉ vì ghen tuông vô cớ, muốn níu kéo tình cảm với bị hại nên bị cáo nhất thời phạm tội và cũng đã tích cực sửa chữa sai lầm, thu hồi, trả lại tài sản cho bị hại; xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội và việc cho bị cáo được hưởng án treo cũng không làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, cần xem xét áp dụng quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử hình phạt tù đối với bị cáo nhưng cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị cáo **Trương Đức T** và bị hại **Chị Võ Thị Hạnh T2** đã tự nguyện thỏa thuận thống nhất bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho chị T2 số tiền 6.000.000đồng, là giá trị mà bị cáo và chị T2 tự thỏa thuận đối với cái điện thoại hiệu Apple Iphone XS max màu gold bị cáo đã chiếm đoạt và hiện nay đã thất lạc. Xét thấy: Thỏa thuận này của bị cáo và chị T2 là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó cần căn cứ các Điều 212, 213, 246 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và chị T2, cụ thể như sau: Bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho chị T2 số tiền 6.000.000đồng. Ngoài ra bị hại chị T2 không có yêu cầu nào khác trong vụ án về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về vật chứng:

Đối với các vật chứng trong vụ án gồm: 01 cái điện thoại hiệu Apple Iphone XS max màu gold và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu trắng là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị hại Chị Võ Thị Hạnh T2. Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tánh Linh đã trả lại cho chị T2 (theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ

vật, tài liệu ngày 01/9/2022 – Bút lục số 50) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó Hội đồng xét xử không tiếp tục xử lý.

[7]. Về án phí:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử buộc bị cáo Trương Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh:

Căn cứ vào Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 172 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Tuyên bố bị cáo Trương Đức T phạm tội “Công nhiên chiếm đoạt tài sản”.

[2]. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 172, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trương Đức T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án – Ngày 11/04/2023.

Giao bị cáo Trương Đức T cho Ủy ban nhân dân thị trấn L2, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Trương Đức T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Trương Đức T phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các Điều 212, 213, 235, 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Trương Đức T và bị hại Chị Võ Thị Hạnh T2 cụ thể như sau: Bị cáo Trương Đức T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Chị Võ Thị Hạnh T2 số tiền là 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng).

[4]. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Trương Đức T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai; bị cáo, bị hại đều có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án - Ngày **11/04/2023** (Đã giải thích quyền kháng cáo và chế định án treo).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- **Bị hại;**
- VKSND huyện Tánh Linh;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- CQCSĐT CA.huyện Tánh Linh;
- CQ THAHS CA H. Tánh Linh;
- NTG CA huyện Tánh Linh;
- UBND **thị trấn L2** (thay TB);
- Sở TP tỉnh Bình Thuận;
- CC THA DS (khi án có HLPL);
- THA HS TA;
- Lưu án văn VP, lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Khánh